

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG RA QUYẾT ĐỊNH LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

Lê Thị Thảo Nguyễn¹

Ngày nhận bài: 23/8/2024; Ngày phản biện thông qua: 21/11/2024; Ngày duyệt đăng: 22/11/2024

TÓM TẮT

Nội dung bài viết tìm hiểu thực trạng biểu hiện hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông tại một số trường trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh được chúng tôi nghiên cứu trên hai bình diện: nhận thức và hành động. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động lựa chọn nghề nghiệp của học sinh tại 3 trường có biểu hiện ở mức trung bình, cả về mặt nhận thức và hành động. Dựa trên việc điều tra cơ sở thực trạng đã đo lường, chúng tôi đã đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông.

Từ khóa: hoạt động ra quyết định, lựa chọn nghề nghiệp, học sinh trung học phổ thông.

1. MỞ ĐẦU

Những năm qua, sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế - xã hội đã có nhiều tác động lớn lao đến mọi mặt trong đời sống xã hội, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục. Nghị quyết hội nghị lần thứ II, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định: “Muốn tiến hành công nghiệp hóa – hiện đại hóa thắng lợi phải phát triển mạnh giáo dục đào tạo và phát huy nguồn lực con người – yếu tố cơ bản của sự phát triển nhanh và bền vững” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013). Như vậy, chính yếu tố con người là trọng tâm của sự phát triển, hay nói cách khác, con người là yếu tố tiên quyết về sự thắng lợi của sự nghiệp nước nhà.

Thế kỉ XXI, dưới sự bùng nổ của cách mạng khoa học và công nghệ, có rất nhiều ngành nghề mới ra đời để đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội. Điều này cũng đặt ra nhiều cơ hội và thách thức đối với người lao động trong việc lựa chọn nghề nghiệp (LCNN), vừa đảm bảo tính phù hợp với khả năng, vừa đảm bảo đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường. Có thể nói, LCNN là hoạt động mang tính quyết định đối với cá nhân người lao động từ khi ngồi trên ghế nhà trường cho đến khi trực tiếp tham gia vào công cuộc lao động. Bởi vậy, để có LCNN đúng đắn thì việc trang bị kĩ năng LCNN là thực sự bức thiết.

Kĩ năng ra quyết định LCNN có vai trò quan trọng, giúp người lao động lựa chọn ngành nghề phù hợp với khả năng, phát huy tối đa năng lực bản thân, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của nước nhà (Nguyễn Thị Lành, 2010). Ngược lại, nếu cá nhân không có kĩ năng LCNN phù hợp sẽ dẫn đến hậu quả nặng nề về thời gian, chi phí, năng suất lao động, người lao động sẽ

không có hứng thú, động cơ để gắn bó với nghề, làm gia tăng sự thỏa mãn trong lao động, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng lao động của xã hội. Để hạn chế những hậu quả trên, giáo dục cần tập trung hình thành kĩ năng LCNN đúng đắn cho học sinh, đặc biệt là học sinh trung học phổ thông (HSTHPT) cuối cấp, trước khi bước chân vào giai đoạn tiếp thu kiến thức chuyên ngành ở bậc đại học, nền tảng cho bước chân vào con đường lao động thực thụ (Lê Thị Hồng Gái, & Trần Thị Cẩm Vân, 2020).

Hoạt động ra quyết định LCNN của HSTHPT một cách hiệu quả sẽ giải quyết được vấn đề đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội (Bright, Pryor, Harpham, 2005). Cần có những hoạt động điều tra thực trạng nhằm xây dựng hệ thống hỗ trợ việc ra quyết định LCNN cho HS (Safta, 2015), nhằm đáp ứng được xu hướng giáo dục hiện nay, là vấn đề thực sự cần thiết, phù hợp với thực tiễn. Kết quả nghiên cứu nội dung này sẽ là cơ sở giúp các nhà quản lý giáo dục, thầy cô giáo, gia đình và chính bản thân học sinh có định hướng rõ ràng từ đó đưa ra quyết định lựa chọn phù hợp với bản thân học sinh. Từ những lí do kể trên, chúng tôi xác lập đề tài nghiên cứu: “*Thực trạng hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột*”.

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu

Vật liệu: bảng hỏi và thang đo được xây dựng theo thang likert 5 mức độ về hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Khách thể nghiên cứu: 305 học sinh lớp 12

¹Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Lê Thị Thảo Nguyễn; ĐT: 0355527707; Email: lttnguyen@gmail.com.

đang theo học tại các trường: THPT TH Cao Nguyên, THPT Lê Quý Đôn, THPT Lê Duẩn trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột năm học 2023 – 2024.

2.2. Phương pháp

2.2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu nhằm làm sáng tỏ biểu hiện thực trạng hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HSTHPT tại một số trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm củng cố kết quả của hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp cho HS.

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính của đề tài là điều tra bằng bảng hỏi. Bên cạnh đó, chúng tôi sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu, thống kê và phân tích số liệu bằng SPSS để phân tích, làm rõ thực trạng.

2.2.3. Khái niệm công cụ và mô hình nghiên cứu

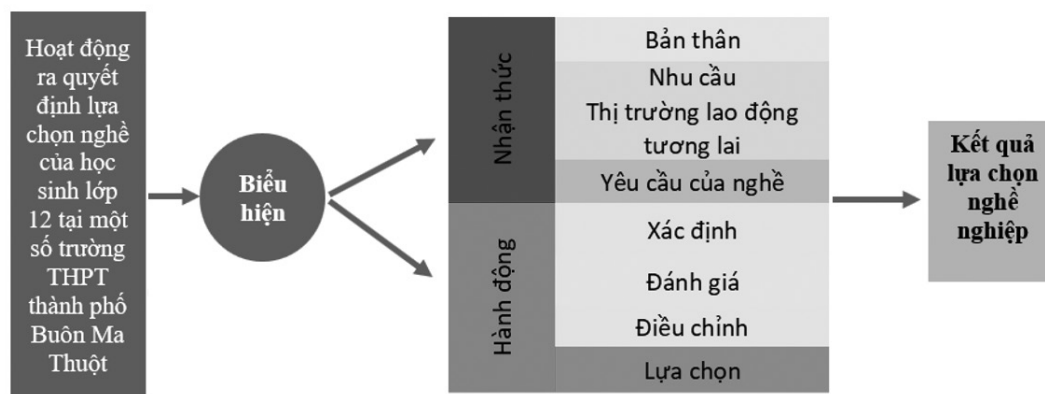
Hoạt động ra quyết định là một quá trình hoạt động diễn ra trong não bộ con người nhằm hướng đến quyết định lựa chọn phương án tốt nhất dựa trên sự hiểu biết và kinh nghiệm của chủ thể. Việc đưa ra quyết định phải dựa trên những cơ sở lý giải và quá trình phân tích thực tế để có sự chọn lựa phù

hợp nhất, việc ra quyết định gắn liền với nhu cầu, thỏa mãn mong muốn, lí tưởng, niềm tin của người ra quyết định.

Lựa chọn nghề nghiệp là hành động cá nhân cân nhắc, phân tích, tính toán dựa trên các điều kiện năng lực của bản thân, khả năng của gia đình, nhu cầu của xã hội, mong muốn của bản thân và các yếu tố như hứng thú, lí tưởng, niềm tin của bản thân để lựa chọn một ngành nghề phù hợp, một nghề nghiệp mang tính định hướng lâu dài cho mình, xác định nghề nghiệp trong tương lai để bản thân gắn bó.

Hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp được xem là một hoạt động mà học sinh nhận thức rõ về nghề nghiệp, khối ngành học, trường học, nhu cầu lao động của xã hội, năng lực học tập của bản thân, điều kiện kinh tế gia đình, tự ý thức rõ về nhân cách, nhu cầu, xu hướng, lí tưởng của bản thân để đưa ra sự lựa chọn ngành nghề phù hợp với mình. Đây là một quyết định cực kì quan trọng, khó khăn và áp lực. Áp lực không chỉ đối với HS – người lựa chọn mà còn đối với những người tư vấn hướng nghiệp cho các em.

Dựa trên khái niệm công cụ và các yếu tố ảnh hưởng, chúng tôi đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

2.2.4. Quy cách chọn mẫu, quy đổi điểm trung bình và độ tin cậy

Dựa trên số liệu thống kê của Phòng giáo dục và Đào tạo thành phố Buôn Ma Thuột năm 2023, Chúng tôi tính toán cỡ mẫu dựa trên công thức không xác định tổng thể như sau:

$$n = [Z^2 * p * (1 - p)] / \epsilon^2$$

Trong đó:

- n: cỡ mẫu cần thiết tối thiểu để đảm bảo độ tin cậy
- Z: giá trị tiêu chuẩn của phân phối chuẩn tương ứng với mức độ tin cậy mong muốn, thường

là 1,96 (tương ứng với mức tin cậy 95%).

- p: tỷ lệ phần trăm của đối tượng trong dân số được nghiên cứu có đặc điểm/kết quả nhất định (0,75: trường hợp lớn nhất có thể xảy ra theo dự đoán).

- ε: sai số mà chúng ta mong muốn cho kết quả (0.05, tương ứng với mức tin cậy là 95%). Trong khoa học xã hội, các nhà nghiên cứu thường chấp nhận mức α từ 0,01 đến 0,05 (tức là sai sót từ 1% đến 5% - tương ứng với độ tin cậy từ 95% đến 99%). Như vậy, với α = 95% => Z = 1,960.

Với số lượng quần thể trên, độ tin cậy 95% và phạm vi sai số 5% thì kích thước tối thiểu của mẫu

đại diện tối thiểu phải là 289 HS. Tuy nhiên, để củng cố độ tin cậy cho thực trạng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 305 HS.

Độ tin cậy của bảng hỏi (Reliability Statistics):
Bảng hỏi bao gồm 54 tiểu mục và có độ tin cậy

Cronbach's Alpha = 0,853.

Với công thức tính khoảng cách = $(\max - \min)/5 = 0,8$. Các mức độ quy đổi ĐTB được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Bảng quy đổi mức độ biểu hiện từ điểm trung bình

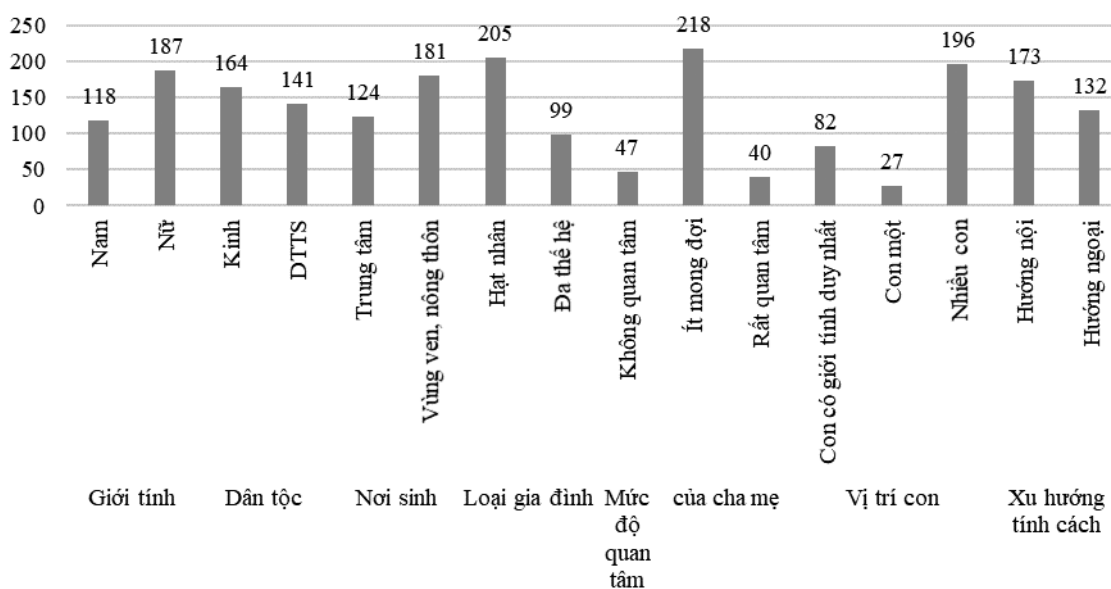
ĐTB	Mức độ	Mức độ của các câu trả lời			
		Phản nhận thức	Phản thái độ	Phản hành động	Mức ảnh hưởng
1,00→1,79	Rất thấp	Không biết	Không đồng ý	Không bao giờ	Không ảnh hưởng
1,80→2,59	Thấp	Biết một ít	Đồng ý một phần	Hiếm khi	Ít ảnh hưởng
2,60→3,39	Trung bình	Phân vân	Phân vân	Thỉnh thoảng	Phân vân
3,40→4,19	Cao	Biết rõ	Đồng ý	Thường xuyên	Ảnh hưởng
4,20→5,00	Rất cao	Biết rất rõ	Hoàn toàn đồng ý	Rất thường xuyên	Rất ảnh hưởng

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin về đặc tính thành phần mẫu

Chúng tôi đã gửi 350 phiếu khảo sát cho HS trong địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột. Số phiếu được phản hồi là 345 phiếu. Sau khi sàng lọc,

chúng tôi đã loại ra 40 phiếu không đạt chất lượng do thiếu sót thông tin, do đó lượng phiếu đủ điều kiện tiến hành nghiên cứu là 305. Như vậy cỡ mẫu đã đảm bảo tính đại diện tối thiểu. Một số thông tin cơ bản về đặc tính mẫu thể hiện ở Hình 2.



Hình 2. Đặc tính thành phần mẫu nghiên cứu

Dựa vào Hình 2, tỉ lệ lệch của mẫu nghiên cứu chủ yếu tập trung ở hai biến: vị trí con, Mức độ quan tâm của cha mẹ về việc lựa chọn nghề của con. Các biến còn lại có tỉ lệ lệch mẫu không đáng kể. Nhìn chung, chỉ có sự chênh lệch tỉ lệ về số lượng HS phân theo các thuộc tính thành phần của các biến: vị trí con trong gia đình và mức độ quan tâm về lựa chọn nghề của cha mẹ. Để khắc phục độ lệch mẫu trong phân tích số liệu, chúng tôi lựa chọn mô hình phân tích định lượng kết hợp định tính. Các đại lượng được chúng tôi phân tích bao gồm: Điểm trung bình (ĐTB), Độ lệch chuẩn (ĐLC), Thứ hạng theo ĐTB, Phần trăm mức

độ các đáp án lựa chọn. Một số kiểm nghiệm sự khác biệt được chúng tôi lựa chọn bao gồm T-test, Anova, Krusal Wallis test.

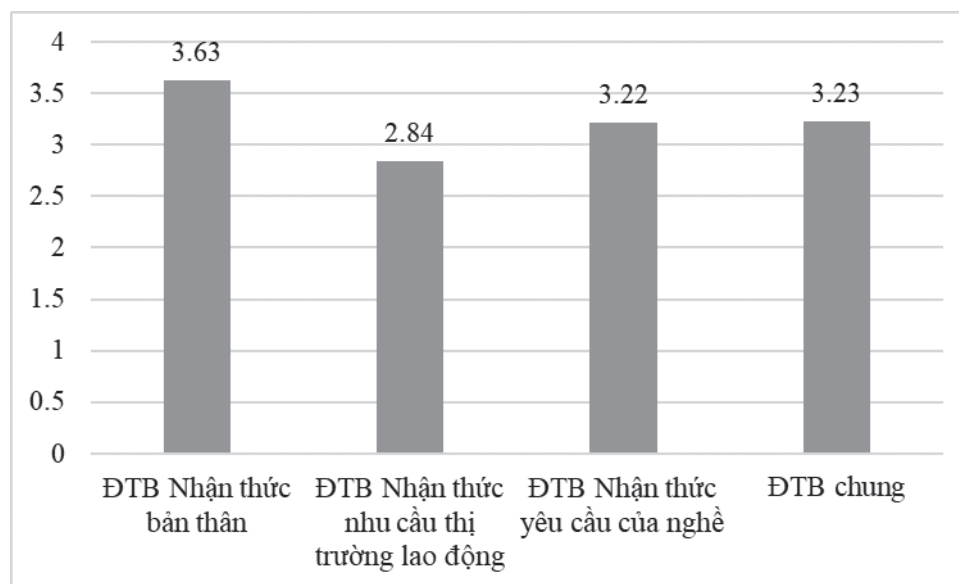
3.2. Biểu hiện hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

3.2.1. Hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột biểu hiện qua mặt nhận thức

Phản hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông địa bàn

thành phố Buôn Ma Thuật biểu hiện qua mặt nhận thức được chúng tôi tổ chức thăm dò thông qua 14 câu hỏi được chia làm ba nhóm: HS nhận thức

về cái mà mình có, cái mà thị trường nghề cần và nhận thức về sự thiếu hụt giữa cái mình có và cái xã hội cần. Kết quả được thể hiện trong Hình 3.



Hình 3. ĐTB hoạt động quyết định LCNN biểu hiện qua mặt nhận thức chung

Dựa vào Hình 3, ĐTB nhận thức chung về năng lực ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp (LCNN) của HS là 3,23. Theo bảng điểm quy đổi mức độ, ĐTB nhận thức chung của HS ở mức trung bình. Trong đó, ĐTB nhận thức về bản thân có ĐTB là 3,63 (tương ứng mức cao); ĐTB của HS nhận thức về nhu cầu thị trường lao động là 2,84 (mức trung bình); và ĐTB về nhận thức yêu cầu của nghề là 3,22 (tương ứng mức trung bình). Nhìn chung, nhận thức của HS về các vấn đề liên quan đến bản thân trong quá trình chọn nghề luôn cao hơn những vấn đề về yêu cầu của nghề và yêu cầu của thị trường

lao động. Điều này dễ dẫn đến việc ra quyết định chủ quan dựa vào các yếu tố của bản thân.

Nhận thức chung về năng lực ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS được chúng tôi báo cáo thành ba mặt và sẽ được báo cáo lần lượt trên ba nội dung tiếp theo.

** Mặt nhận thức về bản thân*

Nhận thức của HS về những đặc điểm của bản thân là cơ sở nền tảng để đánh giá sự phù hợp với đặc điểm của nghề mà HS lựa chọn. Kết quả thăm dò được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2. ĐTB, ĐLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết định LCNN biểu hiện qua mặt nhận thức về bản thân

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
HS biết được tính cách của mình	3,84	Cao	0,886	1,3	8,3	15,7	54,4	20,3
HS nhận thức về nhu cầu của bản thân	3,79	Cao	0,856	1,3	7,2	19,7	54,8	17,0
HS hiểu năng lực của bản thân	3,70	Cao	0,892	1,3	9,2	23,6	49,8	16,1
HS định hình được đối tượng mình sẽ phục vụ trong tương lai	3,51	Cao	0,943	3,3	7,9	37,4	37,3	14,1
HS biết được sự thiếu hụt về năng lực và phẩm chất cho nghề	3,35	Trung bình	1,01	4,9	14,8	30,8	39,7	9,8
ĐTB Nhận thức bản thân	3,63	Mức				Cao		

Ghi chú: 1: Hoàn toàn không biết; 2: Có biết một ít; 3: Phân vân; 4: Biết rõ; 5: Biết rất rõ.

Dựa vào Bảng 2, ĐTB nhận thức của HS về bản thân là 3,63 (tương ứng mức cao). Các nội dung thăm dò đều tập trung ở hai mức là cao và trung bình. Có năm nội dung thăm dò. Trong đó, có bốn nội dung có ĐTB ở mức cao gồm: HS nhận

biết được tính cách của mình (ĐTB = 3,84); HS nhận thức về nhu cầu của bản thân (ĐTB = 3,79); HS hiểu năng lực của bản thân (ĐTB = 3,70); HS định hình được đối tượng mình sẽ phục vụ trong tương lai, tức là xác định được đối tượng mà nghề

nghiệp đáp ứng (ĐTB = 3,51). Chỉ có duy nhất một dung HS nhận biết được sự thiếu hụt về năng lực và phẩm chất cho nghề (ĐTB = 3,35) thuộc mức trung bình (cận cao).

Dựa trên cột ĐLC, đa phần độ lệch của điểm số ĐTB thuộc khoản từ 0,856 đến 1,01. Điều này cho thấy, độ phân tán của điểm số trên thực tế khá tập trung quanh điểm số ĐTB. Tỷ lệ phân tán chưa lệch quá hai lần khoản cách thang đo.

Dựa trên tần suất phân phối tỉ lệ phần trăm theo mức độ lựa chọn, đa phần các nội dung đều có sự lựa chọn tập trung ở mức biểu hiện biết rõ. Điều này cho thấy, HS có nhận thức khá rõ ràng về mức

độ hiểu biết của bản thân về những đặc điểm mình có. Điều này làm cơ sở vững chắc để HS có thể làm nền tảng đánh giá sự phù hợp về phía bản thân đối với nghề.

Nhìn chung trên bình diện nhận thức về bản thân, đa phần HS đã có những nhận thức nhất định về các đặc điểm cá nhân đối với những yêu cầu về nghề nghiệp tương ứng.

** Mặt nhận thức về nhu cầu của thị trường lao động*

Việc ra quyết định sẽ khó khăn thậm chí sai lầm nếu bản thân HS chưa có nhận thức đầy đủ về nhu cầu của thị trường lao động. Các nội dung thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. ĐTB, ĐLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết LCNN biểu hiện qua mặt nhận thức về nhu cầu của thị trường lao động

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
HS dự đoán được nhóm ngành tiềm năng trong tương lai	3,01	Trung bình	0,919	6,6	18,0	47,2	24,3	3,9
HS hiểu về khả năng chuyển biến về cơ cấu lao động	2,68	Trung bình	1,02	11,5	35,1	31,8	17,4	4,3
HS nhận thức về những chính sách ưu đãi lao động – tiền lương	2,88	Trung bình	0,992	7,5	30,2	32,8	26,2	3,3
HS biết định hướng lao động trong môi trường số	2,88	Trung bình	0,995	6,9	31,8	32,1	25,2	3,9
HS nắm được đặc điểm môi trường làm việc số hóa	2,78	Trung bình	1,05	13,1	25,9	34,1	23,3	3,6
ĐTB Nhận thức nhu cầu thị trường lao động	2,84	Mức		Trung bình				

Ghi chú: 1: Hoàn toàn không biết; 2: Có biết một ít; 3: Phân vân; 4: Biết rõ; 5: Biết rất rõ.

Xét Bảng 3, ĐTB mặt nhận thức của HS về nhu cầu của thị trường lao động là 2,84. Quy đổi sang mức độ ĐTB tương ứng với mức trung bình. Các nội dung đều tập trung ở mức trung bình. Không có bất kì nội dung nào có ĐTB thuộc mức khác. Cụ thể: HS dự đoán được nhóm ngành tiềm năng trong tương lai (ĐTB = 3,01); HS hiểu về khả năng chuyển biến về cơ cấu lao động (ĐTB = 2,68); HS nhận thức về những chính sách ưu đãi lao động – tiền lương (ĐTB = 2,88); HS biết định hướng lao động trong môi trường số (ĐTB = 2,88); HS nắm được đặc điểm môi trường làm việc số hóa (ĐTB = 2,78).

Phân tích trên cột ĐLC ta thấy, ĐLC của các nội dung chỉ tập trung trên khoảng từ 0,919 đến 1,05. Điều này cho thấy độ phân tán của các điểm số chỉ tập trung quanh vị trí ĐTB và lệch chưa quá hai lần khoản cách thang đo (0,8). Dựa trên tỉ lệ phân phối mức độ các đáp án lựa chọn, đa phần, đỉnh của đồ thị tập trung ở biểu hiện có biết một ít.

Điều này cho thấy, đa phần HS có nhận thức chưa đầy đủ về nhu cầu của thị trường lao động.

Để làm sáng tỏ nguyên nhân của sự nhận thức chưa đầy đủ của HS về nhu cầu của thị trường lao động, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn 6 HS (Câu 2, Phụ lục 2) để làm sáng tỏ. Kết quả cho thấy, chỉ có 1/6 HS (chiếm 16,6%) có nhận định đúng về nhu cầu của thị trường lao động tương lai. Nhu cầu về trình độ chuyên môn chưa đủ để đáp ứng được nhu cầu toàn cầu hóa và chuyển đổi số của Việt Nam. Muốn phát triển được nghề nghiệp tương lai, HS cần phải nhìn thấy được vai trò của ngoại ngữ và tin học trong thời đại mới. Khi được hỏi về nguyên nhân tại sao HS không nhấn mạnh được vai trò của ngoại ngữ và tin học trong định hướng nghề nghiệp, các em đều đưa ra quan điểm về “sự khó khăn” khi tiếp cận các dịch vụ học tập về tin học và ngoại ngữ. Phần lớn, các em đã được học hai môn học trên trong nội dung trường phổ thông, thế nhưng các em vẫn còn quan điểm học là vì bị

“ép buộc” và chỉ để cho “qua môn” để hoàn tất chương trình THPT mà ít quan tâm đến việc ứng dụng chúng vào thực tiễn.

Tóm lại trên bình diện nhận thức của HS về nhu cầu của thị trường lao động, đa phần, các em đều có nhận thức chưa đầy đủ. Nguyên nhân xuất phát là do các em bị hạn chế về điều kiện tiếp cận các dịch vụ giáo dục và định kiến học cho có mà chưa ý thức rõ về tầm quan trọng của các môn học “phụ” trong chương trình phổ thông.

* *Mặt nhận thức về yêu cầu của nghề*

Bảng 4. ĐTB, ĐLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết định LCNN biểu hiện qua mặt nhận thức về yêu cầu của nghề

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
HS hiểu được yêu cầu về năng lực chuyên môn của nghề	3,22	Trung bình	1,01	4,9	21,0	26,6	42,0	5,6
HS biết được yêu cầu về kỹ năng mềm của nghề mình chọn	3,28	Trung bình	0,99	4,3	19,0	28,5	40,7	7,5
HS thấy được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ người lao động	3,17	Trung bình	1,04	5,9	22,0	28,9	35,4	7,9
HS hiểu được yêu cầu năng lực sử dụng công nghệ thông tin	3,23	Trung bình	1,04	4,6	22,6	26,9	37,0	8,9
ĐTB Nhận thức yêu cầu của nghề	3,22	Mức		Trung bình				

Ghi chú: 1: Hoàn toàn không biết; 2: Có biết một ít; 3: Phân vân; 4: Biết rõ; 5: Biết rất rõ.

Mặt nhận thức về yêu cầu của nghề có ĐTB là 3,22 (tương ứng với mức trung bình). Năm nội dung thăm dò có ĐTB thuộc mức trung bình. Cụ thể: HS hiểu được yêu cầu về năng lực chuyên môn của nghề (ĐTB = 3,22); HS biết được yêu cầu về kỹ năng mềm của nghề mình chọn (ĐTB = 3,28); HS thấy được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ người lao động (ĐTB = 3,17); HS hiểu được yêu cầu năng lực sử dụng công nghệ thông tin (ĐTB = 3,23). Các nội dung đều tập trung trong cùng một mức độ, điều này cho thấy sự hội tụ của các đặc tính của nội dung thăm dò.

Dựa trên cột ĐLC, do độ lệch chuẩn chỉ thuộc khoảng 0,99 đến 1,04. Với độ lệch không quá hai lần khoảng cách thang đo. Điều này cho phép nhóm nghiên cứu khẳng định rằng, điểm thành phần mặt nhận thức về yêu cầu của nghề của khách thể tham gia chỉ dao động từ mức thấp đến mức cao, không có người tham gia nào có điểm phần nhận thức về yêu cầu của nghề thuộc mức rất thấp và mức rất cao. Dựa trên cột Tần suất theo mức độ lựa chọn, phân phối tỉ lệ % các lựa chọn của người tham gia khảo sát chủ yếu tập trung ở mức biểu hiện có biết một ít đến biết rõ. Biểu hiện hoàn toàn không biết và biết rất rõ chiếm tỉ lệ phân phối không đáng kể.

Dựa trên sự kết hợp các thông số về ĐTB,

Mặt nhận thức về yêu cầu của nghề có những nét tương đồng với mặt nhận thức của HS về nhu cầu của thị trường lao động. Các nội dung thăm dò bao gồm: HS hiểu được yêu cầu về năng lực chuyên môn của nghề; HS biết được yêu cầu về hoạt động mềm của nghề mình chọn; HS thấy được yêu cầu về năng lực ngoại ngữ người lao động; và HS hiểu được yêu cầu năng lực sử dụng công nghệ thông tin. Kết quả được chúng tôi trình bày trong Bảng 4.

ĐLC, Tần số Tần suất theo mức độ lựa chọn và ĐTB chung cho ta thấy, mặt nhận thức về yêu cầu của nghề của học sinh lớp 12 thành phố Buôn Ma Thuột còn khá hạn chế và phân tán không đều trên tổng thể.

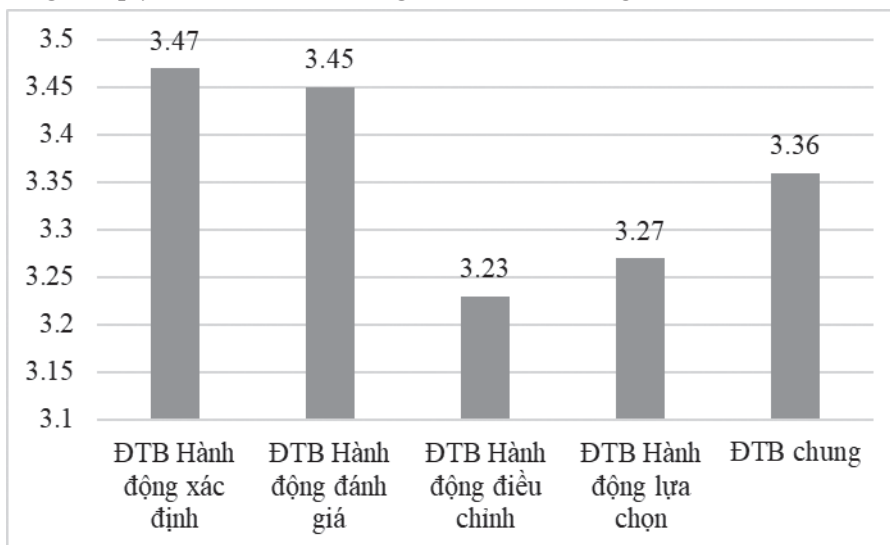
Để làm sáng tỏ nguyên nhân tại sao HS chưa có nhận thức đầy đủ về yêu cầu của các ngành nghề trong khi các hoạt động hướng nghiệp được triển khai cho HS khắp các trường phổ thông từ rất sớm. Khi được phỏng vấn, học sinh N.T.L.T cho rằng: “Nhiệm vụ hướng nghiệp tại trường chưa đáp ứng được nhu cầu hướng nghiệp của học sinh, chưa hiệu quả”. Tương tự, HS L.T.N cũng cho rằng: “Chúng em thường lựa chọn trường học trước khi lựa chọn nghề nghiệp”. Trước thông tin đó, qua phỏng vấn sâu, chúng tôi thu được một số nguyên nhân như sau: *Thứ nhất*, việc hướng nghiệp tạo trường phổ thông còn khá mang tính hình thức mà chưa đi sâu vào nội dung. Đa phần, các hoạt động còn mang tính “hướng trường” mà chưa tập trung vào hướng đến những giá trị nghề nghiệp. *Thứ hai*, việc thực hiện công tác tư vấn hướng nghiệp được thực hiện đa phần trên công tác kiêm nhiệm của các giáo viên chủ nhiệm và các môn phụ mà chưa được thực hiện chính quy bài bản bởi giáo viên tham vấn tâm lý hướng nghiệp.

Công tác hướng nghiệp ngoài việc thực hiện tổng thể cần phải hướng đến từng cá nhân. Bởi lẽ, mỗi HS là một hoàn cảnh chứa đựng những hoàn cảnh và tiềm lực khác nhau. Thứ ba, do xuất phát từ tư tưởng “thời đại công nghệ cứ lên mạng là có hết” của HS mà các em ý lại không tích cực tìm hiểu về yêu cầu của nghề hiện nay. Cộng thêm việc các em chưa có kỹ năng sàng lọc thông tin chính thống trên các trang mạng, điều này dẫn đến hệ lụy đáng tiếc vừa nêu trên.

3.2.2. Hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề

ngiệp của học sinh trung học phổ thông địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột biểu hiện qua mặt hành động

Phần hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của học sinh trung học phổ thông địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột biểu hiện qua mặt hành động được chúng tôi tổ chức thăm dò thông qua 19 câu hỏi. Các nhóm câu hỏi được sắp xếp theo quy trình ra quyết định bao gồm: Hành động xác định; Đánh giá; Điều chỉnh; và Lựa chọn. Kết quả được thể hiện trong Hình 4.



Hình 4. ĐTB hoạt động quyết định LCNN biểu hiện qua mặt hành động chung

Có thể thấy, ĐTB hành động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp là 3,36 (mức trung bình). Các hành động thành phần tập trung trong hai mức độ là mức cao và mức trung bình. Ở mức cao có hành động xác định các vấn đề liên quan đến nghề (ĐTB = 3,47) và hành động đánh giá các đặc điểm phù hợp giữa các đặc điểm bản thân

có và yêu cầu nghề cần (ĐTB = 3,37). Ở mức trung bình có hành động điều chỉnh việc ra quyết định (ĐTB = 3,23) và hành động lựa chọn (ĐTB = 3,27). Các nội dung cụ thể được chúng tôi báo cáo ở các nội dung kế tiếp.

* Hành động xác định

Bảng 5. ĐTB, ĐLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết định lựa chọn nghề nghiệp biểu hiện qua mặt hành động

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
Xác định động cơ chọn nghề	3,27	Trung bình	0,940	2,0	18,4	40,0	29,8	9,8
Định vị giá trị và sở thích của bản thân	3,67	Cao	0,906	1,3	8,2	30,5	42,3	17,7
Tìm hiểu tiềm năng các nhóm nghề quan tâm	3,44	Cao	0,829	0,3	11,8	41,0	37,7	9,2
Xác định mục tiêu nghề	3,63	Cao	0,875	2,0	8,5	25,9	51,5	12,1
Xác định thiếu hụt về năng lực đáp ứng của bản thân	3,38	Trung bình	0,862	1,3	13,4	38,7	38,7	7,9
ĐTB hành động xác định	3,47	Mức				Cao		

Ghi chú: 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên; 5: Luôn luôn.

Dựa vào Bảng 5, ta thấy ĐTB hành động xác định là 3,47. Theo mức độ quy đổi, ĐTB hành

động xác định tương ứng ở mức cao. Các nội dung thăm dò có ĐTB tập trung từ mức trung bình đến

mức cao. Các nội dung có ĐTB ở mức trung bình bao gồm: Xác định động cơ chọn nghề (ĐTB = 3,27) và Xác định thiếu hụt về năng lực đáp ứng của bản thân (ĐTB = 3,38). Các nội dung có ĐTB ở mức cao gồm: Định vị giá trị và sở thích của bản thân (ĐTB = 3,67); Tìm hiểu tiềm năng các nhóm nghề quan tâm (ĐTB = 3,44); và Xác định mục tiêu nghề (ĐTB = 3,63).

Dựa vào cột ĐLC, ĐLC của các nội dung thăm dò dao động từ 0,862 đến 0,94. Điều này cho thấy, độ phân tán điểm số trên thực tế xoay quanh giá trị ĐTB. Độ lệch chưa lệch quá hai lần giá trị khoảng cách của thang đo.

Phối hợp với Tần suất theo mức độ các đáp án lựa chọn, đa phần các lựa chọn tập trung ở biểu hiện thỉnh thoảng và thường xuyên. Đối với hai nội dung có ĐTB ở mức trung bình, đỉnh của dãy số tập trung ở mức thỉnh thoảng cận thường xuyên. Còn lại các nội dung ở mức cao, đỉnh của dãy nằm

Bảng 6. ĐTB, ĐLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết định lựa chọn nghề nghiệp biểu hiện qua mặt hành động

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
Đánh giá tính phù hợp của nghề mà em chọn	3,50	Cao	0,893	2,0	9,2	38,0	38,7	12,1
Cân nhắc về tính thực tế của nghề	3,47	Cao	0,847	1,0	10,5	38,7	40,0	9,8
Tính toán đến tính khả thi	3,30	Trung bình	0,934	3,0	16,4	36,7	36,1	7,9
Đánh giá về điều kiện thời gian	3,41	Cao	0,870	0,7	13,8	39,0	36,7	9,8
Cân nhắc đến yếu tố điều kiện kinh tế gia đình	3,70	Cao	1,00	1,3	12,5	23,9	39,0	23,3
Lượng giá lại mối quan hệ xung quanh	3,37	Trung bình	0,947	2,3	14,8	38,4	33,1	11,5
ĐTB hành động đánh giá	3,45	Mức				Cao		

Ghi chú: 1: Không bao giờ, 2: Hiếm khi, 3: Thỉnh thoảng, 4: Thường xuyên, 5: Luôn luôn.

Dựa vào Bảng 6, ĐTB hành động đánh giá là 3,45 (trùng ứng mức cao). Các nội dung thăm dò trải dài trên hai mức: trung bình và mức cao. Cụ thể, các nội dung thuộc mức cao gồm: HS đánh giá tính phù hợp của nghề mà em chọn (ĐTB = 3,50); HS cân nhắc về tính thực tế của nghề (ĐTB = 3,47); HS đánh giá về điều kiện thời gian (ĐTB = 3,41); HS cân nhắc đến yếu tố điều kiện kinh tế gia đình (ĐTB = 3,70). Các nội dung có ĐTB ở mức trung bình bao gồm: HS tính toán đến tính khả thi (ĐTB = 3,30); HS lượng giá lại mối quan hệ xung quanh (ĐTB = 3,37).

Dựa trên cột ĐLC, độ lệch chuẩn thuộc trong khoảng từ 8,04 đến 1,00. Điều này cho thấy các ĐTB đa phần tập trung xung quanh giá trị ĐTB chung. Không có sự phân tán đáng kể với mức

ở biểu hiện thường xuyên. Điều này cho thấy, có sự đồng nhất từ ĐTB, độ lệch chuẩn và phân phối tần suất trên biểu hiện chung về hành động xác định trước khi HS ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp.

Nhìn chung, trên bình diện hành động xác định các vấn đề liên quan đến việc ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS có ĐTB ở mức cao. Có sự đồng nhất giữa các thông số ĐLC, Tần số mức độ lựa chọn, cho phép thấy nhóm nghiên cứu kết luận đại đa số HS lớp 12 trên địa bàn thành phố Buon Ma Thuật đều có khả năng xác định các vấn đề liên quan đến việc ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.

** Hành động đánh giá*

Hành động đánh giá về các đặc điểm của quá trình ra quyết định lựa chọn nghề được chúng tôi thăm dò qua sáu nội dung và kết quả được trình bày trong Bảng 6.

lệch không quá hai lần khoảng cách thang đo (0,8). Dựa trên cột Tần số mức độ lựa chọn của các biểu hiện, phân phối tỉ lệ % chủ yếu trên hai mức biểu hiện là thỉnh thoảng và thường xuyên.

Tóm lại, trên bình diện hành động đánh giá các thông tin các đặc điểm phù hợp giữa bản thân HS và các yếu tố của nghề trong quá trình ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp biểu hiện ở mức cao. Đa phần HS đều có thực hiện hành động đánh giá lại các thông tin, đặc điểm của bản thân và nghề trong quá trình ra quyết định.

** Hành động điều chỉnh*

Điều chỉnh là một hành động tất yếu khi HS nhận ra việc xác định và đánh giá sự chưa phù hợp giữa bản thân HS với nghề. Các nội dung được

thăm dò bao gồm: HS lên danh sách các nhóm ngành nghề cụ thể; HS xác định các nghề thuộc từng nhóm ngành; HS điều chỉnh sở thích theo các

yếu tố tiềm năng; HS điều chỉnh mục tiêu phù hợp năng lực và điều kiện. Kết quả thu được trình bày trong Bảng 7.

Bảng 7. ĐTB, DLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết định lựa chọn nghề nghiệp biểu hiện qua mặt hành động

Nội dung	ĐTB	Mức độ	DLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
HS lên danh sách các nhóm ngành nghề cụ thể	3,21	Trung bình	0,942	4,6	15,7	40,7	32,5	6,6
HS xác định các nghề thuộc từng nhóm ngành	3,09	Trung bình	0,952	4,6	21,6	39,3	28,9	5,6
HS điều chỉnh sở thích theo các yếu tố tiềm năng	3,26	Trung bình	0,930	2,6	17,0	40,3	31,5	8,5
HS điều chỉnh mục tiêu phù hợp năng lực và điều kiện	3,37	Trung bình	0,975	3,0	16,4	31,8	38,4	10,5
ĐTB hành động điều chỉnh	3,23	Mức		Trung bình				

Ghi chú: 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên; 5: Luôn luôn.

Dựa vào Bảng 7, ĐTB hành động điều chỉnh là 3,23. Theo bảng điểm quy đổi, ĐTB thuộc mức trung bình. Tất cả các nội dung thăm dò đều ở mức trung bình. Cụ thể, nội dung HS lên danh sách các nhóm ngành nghề cụ thể có ĐTB là 3,21; HS xác định các nghề thuộc từng nhóm ngành có ĐTB = 3,09; HS điều chỉnh sở thích theo các yếu tố tiềm năng có ĐTB = 3,26; và nội dung HS điều chỉnh mục tiêu phù hợp năng lực và điều kiện có ĐTB = 3,37.

Dựa trên cột DLC, các nội dung có DLC dao động từ 0,93 đến 0,97. Với độ lệch chuẩn chưa quá hai lần khoảng cách thang đo, phối hợp với điểm trung bình chung có thể kết luận rằng trên tổng thể, không có HS nào có ĐTB đạt được mức rất cao ở những nội dung thăm dò. Dựa trên cột Tần suất theo mức độ lựa chọn, đa phần các biểu hiện đều tập trung ở thỉnh thoảng và thường xuyên nhưng đỉnh đồ thị của dãy lại lệch hẳn về phía thỉnh thoảng. Điều này chứng tỏ rằng, HS xác định, đánh giá trước khi ra quyết định ở mức cao nhưng đến hành động điều chỉnh thì lại ở mức thấp hơn (mức trung bình).

Có hai giả định được chúng tôi đặt ra. *Một là*, HS đã rất chắc chắn trong các hành động xác định và đánh giá nên không xảy ra sự sai lệch cần phải điều chỉnh ở bước tiếp theo. *Hai là*, HS chưa biết cách điều chỉnh hoặc chưa nhận thức được sự chưa phù hợp để có thể điều chỉnh lựa chọn để đưa ra quyết định. Tiến hành phỏng vấn sâu 6 HS lớp 12, kết quả thu được như sau: em V.T.H. giải thích về vấn đề điều chỉnh là rất khó đối với

các em vì thời gian không còn kịp nữa. Phần lớn các em đã được phân ban từ đầu cấp. Nếu đến lớp 12 mà lựa chọn và thay đổi sợ sẽ không đạt được mục tiêu. Đồng quan điểm của em H., em K.E.P cho rằng, phần lớn em chọn nghề theo ý của cha mẹ hoặc theo bạn thân để cùng giúp nhau. Việc phát hiện phù hợp hay không thì khó xác định vì các em sẽ không nhận ra được do chưa có sự trải nghiệm. Các ý kiến còn lại cũng xoay quanh hai câu trả lời vừa nêu.

Tóm lại trên bình diện hành động điều chỉnh trong quá trình ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp, ĐTB chung của hành động điều chỉnh được thăm dò chỉ đạt ở mức trung bình. Điều này cho thấy mức độ ĐTB đạt được ở năng lực hành động điều chỉnh của HS lớp 12 tại thành phố Buôn Ma Thuột là chưa cao. Phối hợp với các thông số DLC và tần suất phân phối có thể khẳng định rằng, có độ tập trung nhất định đối với tổng thể quần thể mẫu tham gia.

** Hành động lựa chọn*

Lựa chọn là khâu hành động cuối cùng để ra quyết định LCNN. Các nội dung thăm dò có ĐTB được trình bày trong Bảng 8.

Bảng 8. ĐTB, ĐLC và tần số HS biểu hiện hoạt động quyết định lựa chọn nghề nghiệp biểu hiện qua mặt hành động

Nội dung	ĐTB	Mức độ	ĐLC	Tần suất theo mức độ lựa chọn				
				1	2	3	4	5
HS chọn đối tượng phục vụ của nghề	3,22	Trung bình	0,963	3,6	19,3	36,4	33,1	7,5
HS lựa chọn đối tượng đồng nghiệp	3,16	Trung bình	1,01	5,6	19,3	37,0	29,8	8,2
HS chọn nhóm ngành	3,41	Cao	0,880	0,7	14,1	39,7	35,1	10,5
HS đưa ra ý thường khởi nghiệp với nghề đã chọn	3,34	Trung bình	0,977	3,9	13,1	39,7	31,8	11,5
ĐTB hành động lựa chọn	3,27	Mức		Trung bình				

Ghi chú: 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: thỉnh thoảng, 4: Thường xuyên, 5: Luôn luôn.

Dựa vào Bảng 8, ĐTB chung của hành động lựa chọn là 3,27 (chỉ tương ứng với mức trung bình). Các nội dung thăm dò có ĐTB thuộc mức trung bình là chủ yếu. Chỉ có duy nhất nội dung về hành động HS chọn nhóm ngành (ĐTB = 3,41) thuộc mức cao. Các nội dung có ĐTB ở mức trung bình bao gồm: HS chọn đối tượng phục vụ của nghề (ĐTB = 3,22); HS lựa chọn đối tượng đồng nghiệp (ĐTB = 3,16); HS đưa ra ý thường khởi nghiệp với nghề đã chọn (ĐTB = 3,34).

Dựa trên ĐLC và phân tích phân phối tần suất thực hiện hành động lựa chọn cho phép nhóm nghiên cứu kết luận về độ tập trung khá đồng đều quanh giá trị ĐTB. Các thông số ĐLC đều bé hơn 1,01 và mức độ biểu hiện trên tổng thể chủ yếu tập trung ở biểu hiện thỉnh thoảng.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, hầu hết (5/6 HS) học sinh cho rằng việc lựa chọn nhóm ngành dễ dàng hơn việc lựa chọn chính xác đối tượng mình sẽ phục vụ cho ai và công việc đó ai sẽ trở thành đồng nghiệp của mình. Bởi lẽ, với một ngành học sẽ có nhiều vị trí việc làm sau khi ra trường. HS cảm thấy bối rối khi chưa xác định được bức họa đồ nghề nghiệp tổng thể của một nghề cụ thể. Điều này cho thấy, mặc dù nhà trường phổ thông có thực hiện hoạt động hướng nghiệp nhưng hiệu quả của các hoạt động này chưa diễn ra một cách hiệu quả.

Tóm lại, trên bình diện hành động lựa chọn khi ra quyết định về việc chọn nghề, đại đa số HS có biểu hiện ở mức trung bình. Trên tổng thể, biểu hiện về tần suất ra quyết định lựa chọn tập trung quanh giá trị ĐTB.

4. KẾT LUẬN

Thông qua việc điều tra biểu hiện về hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS tại một số trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, chúng tôi thu thập được những kết quả chính yếu: Có sự đa dạng trong nhận thức về mục

đích lao động của HS tham gia khảo sát. Nhưng phần lớn, các em đều hướng đến giá trị vật chất, sự bền vững mà ít hướng đến giá trị tinh thần.

Ở mặt nhận thức, đa phần HS có biểu hiện ở mức trung bình. Độ phân tán về mức độ trên các nội dung là dần trải nhưng dãy dữ liệu chủ yếu tập trung ở mức trung bình. Các thành phần nhận thức không đều giữa các nội dung: Nhận thức về sự đáp ứng của bản thân đối với nghề ở mức cao, trong khi nhận thức về nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu của nghề thuộc mức trung bình. Điều này cho phép nhóm nghiên cứu khẳng định sự phân tán không đều giữa các thành phần trong nhận thức của HS.

Ở mặt hành động ra quyết định, đa phần HS có biểu hiện ở mức trung bình (cận cao). Các nội dung thành phần là dần trải ở mức cao và mức trung bình. Các thành phần hành động không đều: hành động xác định và đánh giá của HS ở mức cao; trong khi hành động điều chỉnh và quyết định lựa chọn nghề chỉ đạt mức trung bình. Điều này cho phép nhóm nghiên cứu khẳng định mức độ duy trì hành động giảm dần từ khi HS xác định cho đến khi ra quyết định cuối để lựa chọn nghề nghiệp của HS tham gia khảo sát.

Dựa trên kết quả khảo sát thực trạng, chúng tôi đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động ra quyết định lựa chọn nghề nghiệp của HS tại một số trường THPT trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột như sau:

Thứ nhất, Nhà trường phổ thông cần triển khai nâng cao hiệu quả của các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho HS từ lớp 10, đa dạng hóa các phương pháp tổ chức hướng nghiệp. Bên cạnh đó, cần tổ chức các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp thật hiệu quả không chỉ đơn thuần tổ chức hoạt động tại lớp, trang bị lý thuyết song song cơ hội trải nghiệm thực tiễn. Cần hợp tác với cơ quan, doanh nghiệp nhằm thiết kế các

hoạt động trải nghiệm thực tế hiệu quả, cung cấp kiến thức cho HS một cách sinh động, trực quan.

Thứ hai, đối với giáo viên cần chủ động lồng ghép các nội dung hướng nghiệp vào nội dung môn học chính khóa. Bản thân giáo viên thực hiện công tác hướng nghiệp cần được trang bị kiến thức và kỹ năng cơ bản, nâng cao nhận thức của bản thân về các ngành nghề và mối liên hệ giữa các nhóm ngành nghề để cải thiện năng lực tư vấn hướng nghiệp cho HS.

Thứ ba, đối với gia đình, cần quan tâm, tìm hiểu, kịp thời hỗ trợ HS. Gia đình cần có sự phối hợp với nhà trường trong việc hướng dẫn HS tìm hiểu về bản

thân và nghề nghiệp, trên tinh thần tôn trọng sự lựa chọn của HS, không áp đặt mà khuyến khích HS để các em nhận thức rõ ràng, tự tin tìm hiểu và chia sẻ.

Cuối cùng, đối với HS cần tự ý thức tìm hiểu thông tin thông qua các chương trình thực tế. Nên trải nghiệm hoặc học tập trải nghiệm từ người thực việc thực. Cần sàng lọc thông tin, không quyết định lựa chọn nghề theo sự ảnh hưởng của bạn bè, xu hướng mà bỏ qua sự phù hợp của năng lực bản thân và yêu cầu thực tế của nghề. Trên cơ sở hiểu rõ bản thân, HS cần tham khảo, trao đổi, chia sẻ cùng gia đình, thầy cô giáo để đưa ra quyết định lựa chọn phù hợp nhất.

THE CURRENT SITUATION OF DECISION-MAKING ACTIVITIES IN CAREER CHOICES AMONG HIGH SCHOOL STUDENTS IN BUON MA THUOT CITY

Le Thi Thao Nguyen¹

Received Date: 23/8/2024; Revised Date: 21/11/2024; Accepted for Publication: 22/11/2024

ABSTRACT

The content of the article explores the current status of career decision-making activities of high school students at some schools in Buon Ma Thuot city. We research students' career decision-making activities on two aspects: cognition and action. Research results show that the career choice activities of students at the three schools are at an average level, both in terms of awareness and action. Based on the investigation of the measured situation, we have proposed a number of recommendations to improve the effectiveness of career choice decision-making activities of high school students.

Keywords: *decision-making activities, career choice, high school students.*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013). *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục – đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1)*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Lê Thị Hồng Gái, & Trần Thị Cẩm Vân. (2020). Ý thức chọn nghề của học sinh trung học phổ thông ở thành phố Buon Ma Thuot, tỉnh Đắk Lắk. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Thủ đô Hà Nội*, 37(1), 88-97.
- Nguyễn Thị Lành. (2010). *Dự định chọn nghề của học sinh lớp 12 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*. Luận văn thạc sĩ Chuyên ngành Tâm lý học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Jim E.H. Bright, Robert G.L. Pryor, Lucy Harpham (2005). *The role of chance events in career decision making*, *Journal of Vocational Behavior*, 66 (3), 561-576.
- Safta, C. G. (2015). *Career decisions—A test of courage, responsibility and self-confidence in teenagers*. *Procedia-Social and Behavioral Sciences*, 203, 341-347.

¹Faculty of Education, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Le Thi Thao Nguyen; Tel: 0355527707; Email: lttnguyen@gmail.com.